

5. 工場野菜や乾燥野菜に人気

長雨で生鮮野菜の高値が続く七月ごろになると、工場野菜や凍結乾燥野菜が注目される。農林水産省のテコ入れする福井県の野菜工場では、天候に左右されない人工照明で一日に約六百袋のサラダ菜を生産している。また保存が利いて手軽に料理できる乾燥野菜も人気があり、B 社ほか各社が真空凍結や熱風による乾燥野菜の製造に取り組んでいるが、生鮮野菜が高くなる時期には一段と売れ行きが伸びるそうだ。

単語リスト：

工場野菜（こうじょうやさい） Rau trồng trong nhà máy 乾燥（かんそう） Khô ráo 人気（にんき） Phổ biến 長雨（ながあめ） Mưa dài ngày 生鮮（せいせん） Tươi sống 高値（たかね） Giá cao 続く（つづく） Tiếp tục 凍結（とうけつ） Đóng băng 注目される（ちゅうもくされ る） Được chú ý 農林水産省（のうりんすいさん しょう） Bộ Nông – Lâm – Thủy sản テコ入れする（テコいれする） Nâng đỡ, hỗ trợ, khuyến khích	福井県（ふくいけん） Tỉnh Fukui 天候（てんこう） Thời tiết 左右されない（さゆうされない） Không bị ảnh hưởng 人工照明（じんこうしょうめい） Ánh sáng nhân tạo 約六百袋（やくろっぴゃくふく ろ） Khoảng 600 túi サラダ菜（サラダな） Rau xà lách 生産している（せいさんしてい る） Sản xuất 保存が利いて（ほぞんがきいて） Có thể được bảo quản tốt 手軽に（てがるに） Dễ dàng, đơn giản 料理できる（りょうりできる） Có thể nấu ăn	B 社ほか各社（ビーしゃほかか くしゃ） Công ty B và các công ty khác 真空凍結（しんくうとうけつ） Đóng băng chân không 熱風（ねっふう） Hơi nóng 製造（せいぞう） Sự sản xuất, chế tạo ~に取り組んでいる（~にとり くんでいる） Làm việc với 高くなる（たかくなる） Đắt hơn 時期（じき） Các mùa 一段と（いちだんと） Hơn hẳn 1 bậc 売れ行き（うれゆき） Tình trạng buôn bán 伸びる（のびる） Phát triển
---	--	--